

**Phụ lục****KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2022 VÀ BỐI CẢNH  
XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2023**

*(Kèm theo Kế hoạch số 2871 /KH-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO 07 THÁNG  
ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022****I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XVI ban hành Nghị quyết về lãnh đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum<sup>1</sup>; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23-6-2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030<sup>2</sup>.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết về: Phân bổ kinh phí thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động năm 2021<sup>3</sup>; Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum<sup>4</sup>; mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum<sup>5</sup>; mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum<sup>6</sup>.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh: Thành lập Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp tỉnh<sup>7</sup> và ban hành các văn bản chỉ đạo giao chỉ tiêu giảm nghèo năm 2022<sup>8</sup>; triển khai Kế hoạch số 31-KH/TU ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030*”<sup>9</sup>; Quyết định phân bổ kinh phí thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động năm 2021<sup>10</sup>; Quyết định về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung

<sup>1</sup> Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 19-5-2022 của Hội nghị lần thứ bảy BCH Đảng bộ tỉnh khóa XVI

<sup>2</sup> Kế hoạch số 31-KH/TU ngày 28 tháng 10 năm 2021

<sup>3</sup> Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

<sup>4</sup> Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh .

<sup>5</sup> Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh .

<sup>6</sup> Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

<sup>7</sup> Quyết định 858/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

<sup>8</sup> Công văn số 586/UBND-VX ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh

<sup>9</sup> Kế hoạch số 4587/KH-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

<sup>10</sup> Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

ương năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh<sup>11</sup>; Quyết định về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương, mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum<sup>12</sup>; thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh<sup>13</sup>; Chương trình công tác năm 2022 của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025<sup>14</sup>; Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025<sup>15</sup>. Đồng thời, chỉ đạo các đơn vị xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế lồng ghép vốn từ 3 chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện trên địa bàn tỉnh.

4. Cấp huyện, thành phố: Có 10/10 huyện, thành phố đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 và thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Về giảm hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo

*a) Kết quả giảm hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020<sup>16</sup>*

- Toàn tỉnh:

+ Hộ nghèo: 9.072 hộ, chiếm tỷ lệ 6,32% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh, trong đó có 8.635 hộ nghèo dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 11,42% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số toàn tỉnh.

+ Hộ cận nghèo: 7.876 hộ, chiếm tỷ lệ 5,49% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh, trong đó có 7.077 hộ cận nghèo dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 9,36% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số toàn tỉnh.

Như vậy, trong năm 2021, số hộ thoát nghèo là 5.838 hộ, tương ứng giảm 4,11% đạt 102,75% so với Nghị quyết số 64/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh<sup>17</sup>; Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 02-12-2020 của BCH Đảng bộ Tỉnh Kon Tum<sup>18</sup>.

- Huyện nghèo:

<sup>11</sup> Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh

<sup>12</sup> Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh

<sup>13</sup> Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

<sup>14</sup> Quyết định số 1666/QĐ-BCĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 – 2025.

<sup>15</sup> Quyết định số 671/QĐ-BCĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 – 2025.

<sup>16</sup> Số liệu tại Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

<sup>17</sup> Về phương hướng nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 2021 đề ra là giảm ít nhất 4%/năm;

<sup>18</sup> Về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng xây dựng đảng và hệ thống chính trị năm 2021.

+ Huyện Tư Mơ Rông: Hộ nghèo: 1.591 hộ, chiếm tỷ lệ 23,38% so với tổng số hộ dân toàn huyện, trong đó có 1.591 hộ nghèo dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 24,66% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số toàn huyện. Hộ cận nghèo: 356 hộ, chiếm tỷ lệ 5,23% so với tổng số hộ dân toàn huyện, trong đó có 356 hộ cận nghèo dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 5,52% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số toàn huyện.

Trong năm 2021, số hộ thoát nghèo trên địa bàn huyện là 597 hộ, tương ứng giảm 8,92% đạt 111,50% so với kế hoạch đề ra.

+ Huyện Kon Plông: Hộ nghèo: 769 hộ, chiếm tỷ lệ 10,18% so với tổng số hộ dân toàn huyện, trong đó có 769 hộ nghèo dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 11,84% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số toàn huyện. Hộ cận nghèo: 407 hộ, chiếm tỷ lệ 5,39% so với tổng số hộ dân toàn huyện, trong đó có 407 hộ cận nghèo dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 6,27% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số toàn huyện.

Trong năm 2021, số hộ thoát nghèo trên địa bàn huyện là 382 hộ, tương ứng giảm 4,98% không đạt tỷ lệ giảm nghèo so với kế hoạch đề ra.

+ Huyện Ia H'drai: Hộ nghèo: 576 hộ, chiếm tỷ lệ 18,22% so với tổng số hộ dân toàn huyện, trong đó có 449 hộ nghèo dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 23,10% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số toàn huyện. Hộ cận nghèo: 675 hộ, chiếm tỷ lệ 21,35% so với tổng số hộ dân toàn huyện, trong đó có 523 hộ cận nghèo dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 26,90% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số toàn huyện.

Trong năm 2021, số hộ thoát nghèo trên địa bàn huyện là 742 hộ, tương ứng giảm 25,16% đạt 314,50% so với kế hoạch đề ra.

***b) Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đến cuối năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 (chuẩn mới):***

- Toàn tỉnh:

+ Hộ nghèo: 21.989 hộ, chiếm tỷ lệ 15,32% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh, trong đó có 20.817 hộ nghèo dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 94,67% so với tổng số hộ nghèo.

+ Hộ cận nghèo: 9.091 hộ, chiếm tỷ lệ 6,33% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh.

- Huyện nghèo:

+ Huyện Tư Mơ Rông: Hộ nghèo: 3.546 hộ, chiếm tỷ lệ 52,11% so với tổng số hộ dân toàn huyện, trong đó có 3.545 hộ nghèo dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 99,96% so với tổng số hộ nghèo. Hộ cận nghèo: 550 hộ, chiếm tỷ lệ 8,08% so với tổng số hộ dân toàn huyện.

+ Huyện Kon Plông: Hộ nghèo: 3.353 hộ, chiếm tỷ lệ 44,40% so với tổng số hộ dân toàn huyện, trong đó có 3.353 hộ nghèo dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 100% so với tổng số hộ nghèo. Hộ cận nghèo: 875 hộ, chiếm tỷ lệ 11,59% so với tổng số hộ dân toàn huyện.

+ Huyện Ia H'drai: Hộ nghèo: 1.288 hộ, chiếm tỷ lệ 40,73% so với tổng số hộ dân toàn huyện, trong đó có 976 hộ nghèo dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 75,78%

so với tổng số hộ nghèo. Hộ cận nghèo: 627 hộ, chiếm tỷ lệ 19,83% so với tổng số hộ dân toàn huyện.

**c) Ước thực hiện năm 2022 giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giai đoạn 2022 - 2025:**

- Toàn tỉnh: Phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo giảm ít nhất 4%.
- Các huyện nghèo: Tỷ lệ giảm nghèo từ 6 - 8%.

## **2. Về cải thiện dinh dưỡng:**

**a) Giám sát hỗ trợ hoạt động Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em:**

Triển khai giám sát hỗ trợ hoạt động Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em; lồng ghép giám sát hoạt động bổ sung đa vi chất cho phụ nữ mang thai, hoạt động bổ sung vitamin A kết hợp với cân trẻ, tiêu chí nông thôn mới (15.3) và chuẩn quốc gia y tế xã (15.2) tại 20 Trạm Y tế xã/phường thuộc huyện Đăk Hà, Đăk Tô, Sa Thầy và Kon Rẫy và thành phố Kon Tum. Phối hợp với Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên giám sát tại Trung tâm Y tế thành phố Kon Tum, huyện Sa Thầy.

**b) Theo dõi tăng trưởng trẻ em:** Duy trì thường xuyên, đều đặn công tác theo dõi cân nặng và chiều cao, đánh giá tình trạng dinh dưỡng và theo dõi tăng trưởng của em dưới 2 tuổi và trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng; tỷ lệ trẻ em dưới 2 tuổi được cân, đo ít nhất 3 tháng/lần đạt 94,9% tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi được theo dõi tình trạng dinh dưỡng hàng tháng đạt 94,1%.

**c) Triển khai hoạt động bổ sung đa vi chất dinh dưỡng:** Bổ sung đa vi chất cho phụ nữ mang thai trên địa bàn 6 huyện: Tu Mơ Rông, Kon Plông, Ia H' Drai (nguồn Viện Dinh dưỡng hỗ trợ cho các huyện nghèo) và Đăk Glei, Kon Rẫy, Sa Thầy (nguồn UNICEF hỗ trợ), tỷ lệ bao phủ đạt trên 95%.

**d) Công tác truyền thông giáo dục dinh dưỡng:** Triển khai hoạt động hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời” và dinh dưỡng hợp lý trong dịch COVID-19 tại 18 xã khó khăn, xã có tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng cao thuộc huyện Ngọc Hồi, Tu Mơ Rông, Đăk Tô và Đăk Hà. Lồng ghép trong các đợt cân trẻ, uống bổ sung vitamin A, khám thai và tiêm chủng để tư vấn, tuyên truyền về chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai, chăm sóc trẻ em, nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung hợp lý cho trẻ. Truyền thông gián tiếp bằng các phóng sự, đăng bài trên Trang thông tin điện tử của Sở Y tế, truyền thông xe loa, băng rôn,...

**đ) Bổ sung vitamin A kết hợp với tẩy giun và cân trẻ:** Triển khai hoạt động uống bổ sung vitamin A kết hợp với tẩy giun và cân trẻ đợt 1 năm 2022<sup>19</sup>.

<sup>19</sup> Kết quả hoạt động uống bổ sung vitamin A kết hợp với tẩy giun đợt 1 năm 2022: Tỷ lệ trẻ em từ 6-60 tháng được uống Vitamin A: đạt 98,0%, tỷ lệ bà mẹ sau sinh được uống vitamin A đạt 96,1%, tỷ lệ trẻ 24 - 60 tháng uống thuốc tẩy giun đạt 97,8%, tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi được cân, đo: đạt 97,7%.

### III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH, CƠ CHẾ GIẢM NGHÈO

1. Đã cấp 55.861 thẻ BHYT cho hộ nghèo, cận nghèo<sup>20</sup>; hỗ trợ kinh phí tiền điện cho 24.809 hộ nghèo, hộ chính sách xã hội<sup>21</sup> với kinh phí thực hiện là 5.619 triệu đồng.

2. Trong 6 tháng đầu năm Quý khám, chữa bệnh cho người nghèo tỉnh đã hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh cho 11.329 lượt bệnh nhân (*gồm: Hỗ trợ tiền ăn và tiền đi lại*) với tổng chi phí hỗ trợ: 4.420 triệu đồng.

3. Về đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo: Kế hoạch năm 2022 đào tạo 1.408 người; ước thực hiện 07 tháng đầu năm là 767 người, đạt 125% so với cùng kì năm 2021; ước thực hiện cả năm 2022 là 1.408 người, đạt 100%.

4. Về việc làm: kế hoạch năm 2022, có 660 lao động được hỗ trợ tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm; kết nối việc làm; ước thực hiện cả năm 2022, đạt 100% Kế hoạch.

### IV. KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH:

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình được Trung ương giao năm 2022 là 265.917 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 213.436 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 52.481 triệu đồng. Thực hiện phân bổ cụ thể như sau<sup>22</sup>:

1. Dự án 1, hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo: 196.583 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 191.019 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 5.564 triệu đồng.

2. Dự án 2, đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: 15.456 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

3. Dự án 3, hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (tiểu dự án 1, hỗ trợ phát triển sản xuất): 6.686 triệu đồng.

4. Dự án 4, phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: 41.518 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 22.417 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 19.101 triệu đồng.

5. Dự án 6, truyền thông và giảm nghèo về thông tin: 874 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

6. Dự án 7, nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình: 4.800 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

Hiện nay, các đơn vị, địa phương đang triển khai thực hiện theo quy định.

<sup>20</sup> trong đó hộ nghèo là 47.533 thẻ; hộ cận nghèo là 8.328 thẻ.

<sup>21</sup> Trong đó 21.989 hộ nghèo; 2.820 hộ chính sách xã hội.

<sup>22</sup> Tại Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Kết quả đạt được**

- Các cấp, các ngành đã tổ chức quán triệt và tích cực chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đề ra và đạt được nhiều kết quả quan trọng: Công tác tuyên truyền về giảm nghèo bền vững được quan tâm, đổi mới với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Việc triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo trên địa bàn tỉnh đã tạo điều kiện, cơ hội cho người dân được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống...

- Kịp thời ban hành các văn bản theo chỉ đạo của Trung ương về quản lý, triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo tiến độ về phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2025 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 nguồn ngân sách Trung ương cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Chương trình.

- Các hoạt động về dinh dưỡng triển khai thực hiện nhiệm vụ đúng tiến độ theo kế hoạch năm. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi hàng năm của các huyện nghèo đều giảm so với năm trước.

#### **2. Hạn chế, nguyên nhân**

- Thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường, nhất là đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến đời sống, hoạt động sản xuất của một bộ phận người dân và gây khó khăn cho các cơ quan, địa phương triển khai các chương trình, chính sách về giảm nghèo.

- Một số văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương chưa ban hành kịp thời; bên cạnh đó, trung ương giao kế hoạch vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 chậm so với thời hạn lập dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm gây nhiều khó khăn cho các địa phương trong cân đối xác định nguồn lực đối ứng từ ngân sách địa phương, huy động nguồn lực hợp pháp để thực hiện Chương trình.

- Tại một số xã trên địa bàn tỉnh có tỷ lệ suy dinh dưỡng vẫn còn rất cao đặc biệt là thể thấp còi; đây là một thách thức lớn đối với hoạt động dinh dưỡng.

- Kết quả điều tra 30 cụm để xác định tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em của tỉnh hàng năm do Viện Dinh dưỡng công bố thường rất muộn và chỉ đánh giá (công bố) đến cấp tỉnh vì vậy việc xây dựng chỉ tiêu kế hoạch, phương hướng, nhiệm vụ hàng năm và giai đoạn gặp khó khăn do không có số liệu của các năm liền kề gần nhất; mặt khác kết quả của cấp tỉnh và cấp huyện, xã không đồng nhất (cấp tỉnh sử dụng số liệu của Viện Dinh dưỡng công bố; cấp huyện và xã sử dụng số liệu do địa phương tự đánh giá) gây khó khăn trong việc sử dụng số liệu để phân tích, đánh giá, xây dựng kế hoạch của ngành Y tế và từng địa phương.

- Nguồn sản phẩm dinh dưỡng, đặc biệt là đa vi chất cho trẻ từ 6-23 tháng tuổi giúp trẻ cải thiện chiều cao do các cơ quan, tổ chức (Viện Dinh dưỡng, UNICEF...) hỗ trợ hạn chế so với nhu cầu.

## **B. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

### **I. Thuận lợi**

1. Được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh trong triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia nói chung và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nói riêng.

2. Các cấp uỷ đảng, chính quyền xác định công tác giảm nghèo bền vững là nội dung quan trọng trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của các ngành, địa phương. Các văn bản về giảm nghèo đã được ban hành tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình chỉ đạo, triển khai thực hiện.

3. Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp được thành lập, kiện toàn kịp thời, thực hiện tốt nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành, điều phối, đảm bảo Chương trình được triển khai thực hiện có hiệu quả.

### **II. Khó khăn, thách thức**

1. Đến nay, một số bộ, ngành Trung ương chưa ban hành hướng dẫn triển khai nội dung có liên quan đến dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình (tiểu dự án 1, Dự án 4).

2. Năm 2022 là năm đầu thực hiện Chương trình, các văn bản hướng dẫn mới theo quy định phải ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương: *Mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo từ nguồn ngân sách nhà nước; một số mức hỗ trợ tại tiểu dự án 1 (giảm nghèo về thông tin), dự án 6 thuộc Chương trình<sup>23</sup>...*tuy nhiên các Bộ, ngành chậm hướng dẫn, ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện tại địa phương.

3. Ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường, nhất là đại dịch Covid-19; dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm xảy ra tại nhiều nơi đã tác động tiêu cực đến cuộc sống và sinh kế của người dân, nhất là người nghèo, người yếu thế./.

---

<sup>23</sup> Theo quy định tại Điều 19 và Điều 21 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025